

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 290/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Bùi Anh T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 70 DT (lầu 2), Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 72C DN, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T qua thời gian tìm hiểu được 01 (một) năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 1996 (Giấy chứng nhận kết hôn số 102/96 quyền số 01 đăng ký ngày 27 tháng 12 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống giữa ông Bùi Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T phát sinh nhiều mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông Bùi Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 24/98, quyển số 01, đăng ký ngày 05/02/1998 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và xác nhận của ông T, bà T thì ông bà có 01 (một) con chung, họ và tên: Bùi Anh K, sinh ngày 25/01/1998. Con chung đã trưởng thành nên ông T, bà T không có ý kiến, không có yêu cầu gì.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Bùi Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T xác nhận tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Bùi Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T xác nhận nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Bùi Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 102/96 quyển số 01 đăng ký ngày 27 tháng 12 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Bùi Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T có 01 (một) con chung, họ và tên: Bùi Anh K, sinh ngày 25/01/1998. Con chung đã trưởng thành nên ông T, bà T không có ý kiến, không có yêu cầu gì.

1.3. Về tài sản chung: Ông Bùi Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T xác nhận tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Bùi Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T xác nhận nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Anh T và bà Nguyễn Thị Kim T cùng chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0010192 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Tp.HCM
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Mai Thị Thái Hòa**